

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Nguyễn Văn Hòa*

Tóm tắt:

Bằng các phương pháp nghiên cứu thường quy, tác giả đã lựa chọn được mô hình đánh giá thực trạng chất lượng chương trình đào tạo cử nhân ngành Huấn luyện thể thao, nhằm chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu của chương trình đào tạo, là cơ sở giúp nhà quản lý đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân ngành HLTT nói riêng và chất lượng đào tạo Trường Đại học TDTT Bắc Ninh nói chung.

Từ khóa: Lựa chọn, mô hình đánh giá chương trình đào tạo, điểm mạnh, điểm yếu, Khoa huấn luyện thể thao, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Evaluation of reality of Sports Training Bachelor's program at Bac Ninh Sports University

Summary:

By using the common research methods, the author has selected the model to evaluate the real situation of the Bachelor's program of the Sports Training Department to point out the advantages and disadvantages of the program. This is the basis to help managers to propose solutions in improving the training efficiency of the Bachelor's program of the Sports Training Department in particular and Bac Ninh Sports University in general.

Keywords: Select, model to evaluate training program, advantages, disadvantages, Sports Training Department, Bac Ninh Sports University.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Mục tiêu đào tạo cử nhân ngành Huấn luyện thể thao (HLTT) là đào tạo nguồn nhân lực phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất và năng lực chuyên môn: Nắm vững kiến thức cơ bản về lý luận, kỹ thuật và phương pháp huấn luyện thể thao hiện đại đồng thời có khả năng vận dụng những tri thức này vào thực tế công tác HLTT; có năng lực trong công tác tuyển chọn, quản lý huấn luyện vận động viên (VĐV), tổ chức thi đấu, trọng tài, quản lý chuyên môn các đội thể thao. Từ khi thành lập Khoa HLTT Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (2004), đến nay dù chương trình đào tạo (CTĐT) bậc cử nhân đã được xây dựng, song vẫn chưa được tiến hành đánh giá một cách khoa học. Bởi vậy đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cử nhân ngành HLTT là cần thiết nhằm tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu của chương trình đào tạo, trên cơ sở đó đề ra những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân Ngành HLTT.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp quan sát sự phạm; Phương pháp phỏng vấn tọa đàm; Phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Lựa chọn mô hình và xác định các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá thực trạng chương trình đào tạo cử nhân Ngành Huấn luyện thể thao

+ *Lựa chọn mô hình đánh giá chương trình đào tạo cử nhân Ngành HLTT*

Căn cứ vào mục tiêu đào tạo của Nhà trường là sản phẩm đào tạo phải đáp ứng được nhu cầu xã hội và theo xu thế hội nhập quốc tế, đặc biệt là các nước trong khu vực Đông Nam Á. Tác giả đã nghiên cứu và tổng hợp 4 mô hình đánh giá chất lượng CTĐT đó là: Mô hình đánh giá CIPP; Mô hình đánh giá sự sai biệt; Mô hình C.I.M.O; Mô hình đánh giá cấp chương trình

*ThS, Phó Trưởng Khoa Huấn luyện thể thao, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

đào tạo AUN với 17 tiêu chuẩn, 92 tiêu chí đánh giá các khâu: 1) Chất lượng đầu vào; 2) Chất lượng của quá trình; 3) Chất lượng đầu ra. Để lựa chọn được mô hình đánh giá phù hợp nhất với điều kiện thực tiễn của Ngành HLTT hiện nay, tác giả tiến hành lấy ý kiến của 05 chuyên gia thông qua hình thức phỏng vấn trực tiếp, trao đổi tọa đàm. Tất cả các chuyên gia đều nhất trí cao trong việc lựa chọn mô hình AUN đánh giá chất lượng CTĐT Ngành HLTT là phù hợp.

+ Kết quả phỏng vấn lựa chọn các tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cử nhân Ngành HLTT

Sau khi lựa chọn được mô hình AUN đánh giá chất lượng CTĐT ngành HLTT, trên cơ sở

Bộ tiêu chuẩn của AUN, với 17 tiêu chuẩn, tác giả tiến hành phỏng vấn trực tiếp các chuyên gia GDTC tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh để chọn được những tiêu chuẩn phù hợp nhất trong đánh giá chất lượng CTĐT Ngành HLTT tại Trường. Kết quả lựa chọn được 12/17 tiêu chuẩn phù hợp.

Để lựa chọn được các tiêu chuẩn một cách khách quan, chính xác, tác giả tiến hành phỏng vấn 156 chuyên gia, cán bộ quản lý và giáo viên về mức độ quan trọng của các tiêu chuẩn trong mô hình AUN đã lựa chọn để đánh giá CTĐT cử nhân ngành HLTT, kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng 1.

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn lựa chọn các tiêu chuẩn đánh giá Chương trình đào tạo cử nhân Ngành Huấn luyện thể thao (n=156)

TT	Các tiêu chuẩn	Kết quả trả lời				Tổng	
		Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Không quan trọng	Điểm	%
		m _i	m _i	m _i	m _i		
1	Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi (chuẩn đầu ra)	135	21	0	0	603	96.6
2	Chương trình đào tạo chi tiết	125	27	4	0	589	94.4
3	Nội dung và cấu trúc của chương trình	151	4	1	0	618	99.0
4	Chiến lược giảng dạy và học tập	115	23	14	4	561	89.9
5	Kiểm tra đánh giá người học	102	34	20	0	550	88.1
6	Chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy	141	13	2	0	607	97.3
7	Chất lượng của nhân viên hỗ trợ	106	26	22	2	548	87.8
8	Cơ sở vật chất và trang thiết bị	136	18	2	0	602	96.5
9	Đảm bảo chất lượng quá trình giảng dạy và học tập	128	21	7	0	589	94.4
10	Lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan	110	32	11	3	561	89.9
11	Kết quả đầu ra	133	19	4	0	597	95.7
12	Kỹ năng môn thể thao chuyên ngành	137	19	0	0	605	97.0

Qua bảng 1 cho thấy: Đa số các chuyên gia, cán bộ quản lý và giáo viên cho rằng các tiêu chuẩn đề xuất, là rất quan trọng và quan trọng trong việc đánh giá chất lượng CTĐT cử nhân Ngành HLTT (tổng điểm phỏng vấn đạt từ 87% điểm tối đa trở lên). Vì vậy, chúng tôi lựa chọn cả 12 tiêu chuẩn này để đánh giá chất lượng CTĐT Ngành HLTT tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Trên cơ sở 12 tiêu chuẩn lựa chọn, căn cứ vào 92 tiêu chí đánh giá chất lượng CTĐT theo AUN, tác giả tiến hành xây dựng các tiêu chí phù hợp

với đặc thù về công tác đào tạo về năng khiếu của Nhà trường nhằm đánh giá đúng thực trạng công tác đào tạo cử nhân Ngành HLTT Trường ĐH TDTT Bắc Ninh. Kết quả đã lựa chọn và xây dựng được 79 tiêu chí thuộc 12 tiêu chuẩn trên.

Để đảm bảo tính khách quan trên cơ sở 12 tiêu chuẩn và 79 tiêu chí đánh giá chất lượng CTĐT cử nhân ngành HLTT, tác giả tiến hành phỏng vấn các chuyên gia, cán bộ quản lý, giáo viên bằng phiếu hỏi để lựa chọn các tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT cử nhân Ngành HLTT với thang điểm đánh giá như

sau: Rất cần thiết = 3 điểm; Cần thiết = 2 điểm; Bình thường = 1 điểm; Không cần thiết = 0 điểm. Đối tượng phỏng vấn 68 chuyên gia, cán bộ lãnh đạo trường, cán bộ quản lý các phòng, khoa, và giảng viên có kinh nghiệm.

Kết quả phỏng vấn các chuyên gia cán bộ quản lý và giáo viên đã lựa chọn được 62 tiêu chí trong 12 tiêu chuẩn nhằm đánh giá thực trạng chương trình đào tạo cử nhân ngành HLTT.

2. Kết quả đánh giá thực trạng Chương trình đào tạo cử nhân Ngành HLTT

+ Phân tích điểm mạnh điểm yếu của chương trình đào tạo.

Thông qua hệ thống các tiêu chuẩn, tiêu chí bằng các tài liệu minh chứng tác giả đã phân tích các điểm mạnh điểm yếu của chương trình đào tạo thông qua bảng 2

Bảng 2. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu của chương trình đào tạo

Điểm mạnh của CTĐT	Điểm yếu của CTĐT
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi (chuẩn đầu ra)	
Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT Ngành HLTT phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường Mục tiêu của CTĐT Ngành HLTT xác định rõ các chuẩn mực về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người tốt nghiệp cần đạt được Chuẩn đầu ra của CTĐT xác định rõ các chuẩn mực về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người tốt nghiệp cần đạt được Khi tốt nghiệp ra trường, SV làm việc tại các TTĐTVĐV, các CLB thể thao chuyên nghiệp, các Trường ĐTNKTT, các Trường ĐH, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, các tổ chức xã hội TDTT, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ngành TDTT Sinh viên có khả năng làm việc theo nhóm, theo đơn vị quản lý, có kỹ năng trao đổi với các đồng nghiệp để giải quyết vấn đề, có khả năng thuyết trình, thuyết phục mọi người về ý tưởng đề xuất của mình Có khả năng làm việc độc lập, chủ động trao đổi kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn với đồng nghiệp	Xây dựng chuẩn đầu ra chưa lấy ý kiến từ các chuyên gia ngoài trường, nhà sử dụng lao động và cựu SV Trong quá trình học tập, SV được đào tạo theo chiều rộng kiến thức, vì thế đối với từng lĩnh vực không nắm rõ về chuyên môn Trình độ ngoại ngữ và tin học còn hạn chế, chưa có khả năng giao tiếp, đọc các tài liệu tham khảo các tài liệu bằng tiếng Anh
Tiêu chuẩn 2. Chương trình đào tạo chi tiết	
Chương trình đào tạo chi tiết giúp SV hiểu rõ về ngành mình học, các kỹ năng đạt được khi tốt nghiệp ra trường. Từ đó, SV có hướng đầu tư về kiến thức và thời gian thực hành cho chuyên ngành mình yêu thích Chương trình đào tạo chi tiết giúp cán bộ giảng viên của Nhà trường chuẩn bị giáo trình, đề cương học phần phục vụ cho quá trình giảng dạy, đảm bảo kiến thức khi SV kết thúc học phần Chương trình đào tạo chi tiết giúp người sử dụng lao động hiểu rõ về ngành HLTT, có cách nhìn đúng hơn về đội ngũ GV, HLV, hướng dẫn viên khi tốt nghiệp ra trường. Qua đó, người sử dụng lao động có thể liên hệ với Khoa, Bộ môn để đăng ký tuyển dụng những vị trí mà Trung tâm, CLB đang cần	Chương trình đào tạo ngành HLTT theo hình thức học niên chế, nên CT chi tiết chưa làm rõ về các học phần tự chọn vì thế SV không chủ động đăng ký môn học không đăng ký đúng với học phần cần phải học, do vậy khối lượng kiến thức phải học lớn gây áp lực không nhỏ đến tâm lý SV Mối tương quan giữa các học phần thuộc chương trình đào tạo mô tả chưa chặt chẽ Chương trình đào tạo chưa được xây dựng dựa theo các tiêu chuẩn chất lượng AUN (trong tương lai gần khoa sẽ áp dụng, đáp ứng hầu hết các tiêu chuẩn này)

Tiêu chuẩn 3. Nội dung và cấu trúc chương trình	
Nội dung CTĐT cung cấp đủ kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành cho người học. Phần kiến thức đại cương, cơ sở ngành đủ để SV có thể theo học ở các mức cao hơn Chương trình đào tạo được thiết kế hợp lý giữa kiến thức tổng quát, kiến thức chuyên môn, và các kỹ năng cần thiết Chương trình đào tạo được thiết kế với các môn học có liên quan được tích hợp với nhau, củng cố làm cơ sở, nền tảng cho việc chuyển kỹ năng vận động các môn học khác trong CT Cấu trúc CTĐT linh hoạt và có các hướng ĐT chuyên sâu để SV chọn lựa phù hợp với sở thích và nhu cầu thị trường lao động Nội dung các môn thực hành đáp ứng được yêu cầu củng cố kiến thức lý thuyết dựa trên CSVC dụng cụ sân bãi nhà tập đã có Cấu trúc CT thể hiện rõ ràng và cân đối giữa các môn lý luận đại cương, các môn cơ sở ngành, kiến thức ngành, thực tập nghiệp vụ và luận văn tốt nghiệp	Chưa thực hiện rộng rãi và thường xuyên việc lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên, cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động về nội dung và cấu trúc CTĐT Chưa đánh giá toàn diện chuẩn đầu ra của từng học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT. Chưa đánh giá tính logic nội dung của từng học phần trong toàn CTĐT Chương trình đào tạo ngành HLTT theo hình thức học niên chế, do vậy: CTĐT chưa tích hợp thực hiện đào tạo liên thông dọc và liên thông ngang Chương trình đào tạo thiết kế với các học phần có liên quan chưa được tích hợp với nhau và củng cố các môn học khác trong CT; CTĐT không có các học phần tự chọn do vậy việc điều chỉnh hay cập nhật bị hạn chế
Tiêu chuẩn 4. Chiến lược giảng dạy và học tập	
Kê hoạch giảng dạy được thông nhất, kiểm tra và hỗ trợ những khó khăn của các cán bộ giảng dạy thông qua các buổi họp sinh hoạt chuyên môn 02 tuần/01lần Giảng viên trú trọng phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm, kích thích tính tự giác tích cực của người học, giúp người học chủ động tích lũy những kỹ năng thực hành cần thiết cho môn chuyên ngành Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin vào giảng dạy và học tập và NCKH	Cán bộ giảng dạy còn chưa tích cực trong việc đổi mới liên tục nội dung bài giảng, áp dụng phương thức giảng dạy mới, một số cán bộ trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm giảng dạy và thiếu những kỹ năng sư phạm cần thiết Một số cán bộ giảng dạy chưa áp dụng phương pháp dạy/học tích cực, làm sinh viên thụ động trong học tập
Tiêu chuẩn 5. Kiểm tra đánh giá người học	
Các bộ môn sử dụng nhiều hình thức đánh giá học phần, tùy theo đặc thù, yêu cầu của từng học phần Đánh giá người học theo phương thức tích lũy kiến thức thông qua nhiều điểm thành phần chuyên cần kiểm tra giữa kỳ, và thi kết thúc học phần Hình thức và kế hoạch đánh giá được thông báo rộng rãi đến người học ngay buổi học đầu tiên và thông báo thời gian đánh giá ít nhất trước 1 tuần. Bảng điểm và đáp án được công khai đến toàn thể SV. Điều này tạo sự công bằng cho toàn thể SV Các quy định về thủ tục khiếu nại kết quả đánh giá người học được công bố công khai	Công tác tổ chức thi giữa kỳ và cuối kỳ chưa xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy chế thi Nhà trường thường xuyên thay đổi hình thức kiểm tra đánh giá mà không lấy ý kiến phản hồi từ SV

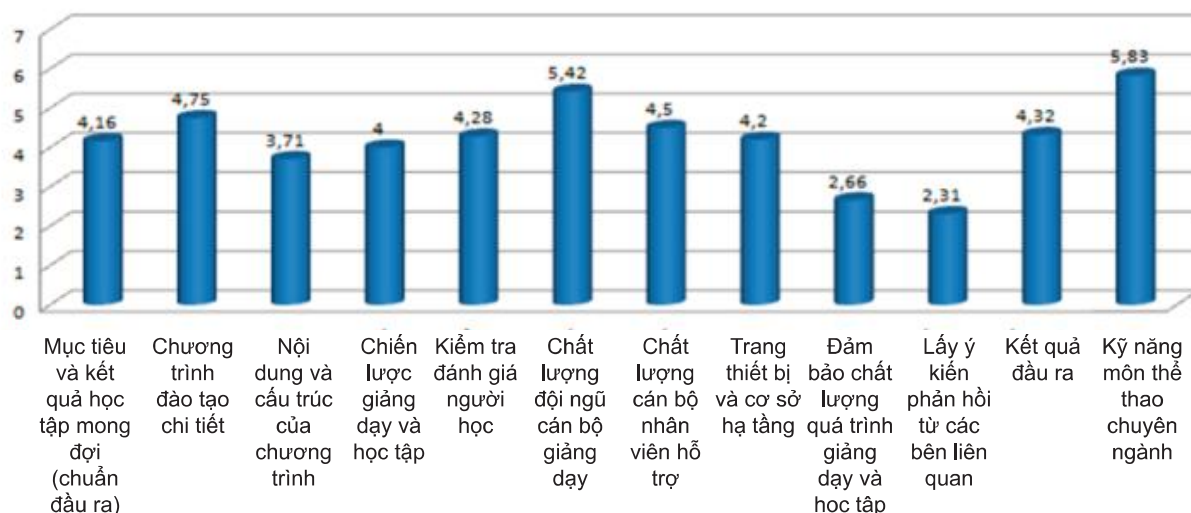
Tiêu chuẩn 6. Chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy	
Nhà trường có số lượng lớn đội ngũ giáo viên là các nhà khoa học, GS, PGS, tiến sĩ đầu ngành trong lĩnh vực thể thao trực tiếp tham gia giảng dạy và hướng dẫn NCKH Tất cả giảng viên trong nhà trường đã qua các khoá đào tạo về nghiệp vụ sư phạm, phương pháp giảng dạy ĐH và được tạo điều kiện để học tập nâng cao trình độ chuyên môn Nhà trường có các văn bản ban hành quy định rõ về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ. Giảng viên được tuyển dụng đều đạt các tiêu chí chuyên môn do nhà trường quy định Nhà trường có tiến hành đánh giá bình xét cán bộ vào cuối năm mặc dù cách đánh giá chưa thật sự hiệu quả, còn bổ sung hoàn thiện	Do đặc thù của Nhà trường, bộ môn không nằm trong khoa quản lý do vậy mức độ tương tác, yêu cầu của khoa đối với GV chưa cao Nhà trường cũng chưa thường xuyên tổ chức lấy ý kiến của người học về chất lượng cán bộ giảng dạy và cán bộ hỗ trợ công tác ĐT
Tiêu chuẩn 7. Chất lượng cán bộ nhân viên hỗ trợ	
Nhà trường có đội ngũ cán bộ được ĐT có chất lượng thuộc các phòng, khoa, ban, trung tâm và bộ môn phụ trách các hoạt động chuẩn bị CSVC, sân bãi dụng cụ, hỗ trợ công tác giảng dạy và giải quyết các chế độ chính sách cũng tư vấn học tập cho SV	Một số cán bộ phục vụ giảng dạy có trình độ chuyên môn chưa cao nên còn gặp khó khăn trong công tác bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, chuẩn bị dụng cụ phòng tập, nhà tập cho SV Chưa thành lập một ban cố vấn riêng về công tác học tập, định hướng việc làm cho SV
Tiêu chuẩn 8. Trang thiết bị và cơ sở hạ tầng	
Về CSVC phục vụ dạy và học hầu hết ý kiến của sinh viên đều đánh giá ở mức tốt và rất tốt. Số lượng phòng học, hội trường, sân tập, nhà tập đảm bảo số lượng và chất lượng phục vụ tốt trong công tác giảng dạy và NCKH. Tất cả các phòng học đều được lắp projector, đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy Thư viện được trang bị sách phục vụ tương đối đầy đủ, hỗ trợ đắc lực trong học tập, nghiên cứu của SV và cán bộ	Các thiết bị hỗ trợ giảng dạy có tần suất sử dụng lớn nên đã trở nên xuống cấp và hư hỏng nhiều, phần nào gây khó khăn trong việc cải tiến phương pháp giảng dạy (đặc biệt là các Projectors và hệ thống âm thanh) Do nhu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy theo chiều hướng tích cực nên các thiết bị hỗ trợ giảng dạy dù được trang bị nhiều nhưng không đủ sử dụng, làm cho cán bộ bị động trong giảng dạy
Tiêu chuẩn 9. Đảm bảo chất lượng quá trình giảng dạy và học tập	
Nhà Trường rất quan tâm đến việc người học tham gia đánh giá chất lượng ĐT. Bên cạnh đó, Nhà trường đã thực hiện việc lấy ý kiến đánh giá của SV nhằm cải tiến phương pháp giảng dạy và học tập đạt hiệu quả hơn Kết quả đánh giá trực tiếp từ SV là kênh thông tin hữu ích giúp cán bộ giảng dạy cải thiện khả năng truyền đạt cũng như chuyên môn của mình Kết quả lấy ý kiến đánh giá của sinh viên cho thấy 84% ý kiến SV đánh giá về công tác giảng dạy của giảng viên đạt ở mức tốt và rất tốt	Chất lượng công tác tổ chức các kỳ học phục vụ chưa cao, SV còn nhiều ý kiến chưa hài lòng Chưa thực hiện được việc lấy ý kiến SV đã tốt nghiệp đi làm và nhà tuyển dụng, để có cơ sở đánh giá đúng hơn và chất lượng đào tạo của CT ngành HLTT so với nhu cầu thực tế của XH Việc thực tập nghiệp vụ lần 1 với số lượng SV đông thực tập ở bộ môn sẽ rất khó khăn để SV tiếp xúc và làm quen với công tác huấn luyện, ảnh hưởng lớn đến kiến thức và kỹ năng khi SV tốt nghiệp ra trường
Điểm mạnh của CTĐT	Điểm yếu của CTĐT

Tiêu chuẩn 10. Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan	
Để việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đảm bảo độ tin cậy chúng tôi tiến hành phỏng vấn lấy ý kiến của giáo viên trực tiếp giảng dạy, SV đang học năm thứ 2, 3, 4, cựu sinh viên đã ra trường và Nhà sử dụng lao động Kết quả đánh giá của giáo viên về mục tiêu và kết quả học tập mong đợi, Nội dung và cấu trúc chương trình đều được giáo viên đánh giá ở mức tốt và rất tốt Kết quả đánh giá của sinh viên và cựu sinh viên về quá trình tổ chức đào tạo ngành HLTT đều đạt ở mức tốt và rất tốt Kết quả đánh giá của nhà sử dụng lao động phản hồi về sản phẩm đào tạo của CTĐT cử nhân ngành HLTT đạt ở mức tốt và rất tốt	Hệ thống ghi nhận phản hồi từ thị trường lao động và cựu SV chưa được tổ chức. Quá trình ghi nhận các phản hồi này chủ yếu chỉ dựa vào quan hệ cá nhân giữa giảng viên và bên ngoài nên thông tin thu nhận được thiếu tính tổng quát Hiện tại, Khoa/Bộ môn chưa thực hiện được việc lấy ý kiến đánh giá của sinh viên đang theo học về CTĐT cũng như chất lượng đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra	
Điều kiện xét tốt nghiệp cho SV được quy định rất rõ ràng trong Quy chế học vụ (được Nhà Trường in ấn và phát rộng rãi đến từng SV) Khoa hướng dẫn quy trình làm hồ sơ xét tốt nghiệp, các thủ tục và mẫu đơn được công bố rộng rãi trên trang web của Trường Quy trình xét tốt nghiệp được công bố rộng rãi đến tất cả các cá nhân có liên quan	Kết quả học tập cũng như tỷ lệ tốt nghiệp hàng năm của khoa là chưa cao, do nhiều nguyên nhân, song nguyên nhân chủ yếu là do SV của khoa phần lớn học theo hình thức tích lũy
Tiêu chuẩn 12. Kỹ năng môn thể thao chuyên ngành	
Sinh viên được học tập môn thể thao chuyên ngành một cách có hệ thống, tuân thủ theo nguyên tắc giảng dạy đặc thù trường đào tạo năng khiếu Trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản và chuyên sâu về công tác huấn luyện thể thể lực, huấn luyện kỹ chiến thuật và tâm lý; những kỹ năng về tổ chức thi đấu và trọng tài môn thể thao chuyên ngành Mức độ yêu cầu đánh giá của các học phần là rất cao đòi hỏi sinh viên phải nỗ lực cố gắng mới đạt được kết quả học tập như mong đợi	Thực tập nghiệp vụ là nơi sinh viên được học tập và làm quen với công tác chuyên môn của mình, tuy nhiên địa điểm thực tập nghiệp vụ của sinh viên còn chưa phù hợp, nhiều sinh viên đi thực tập không được làm đúng công việc chuyên môn mình được đào tạo

+ Kết quả đánh giá chương trình đào tạo theo thang điểm

Căn cứ kết quả phân tích các minh chứng thu thập được và kết quả phỏng vấn các bên liên quan về quá trình tổ chức đào tạo. Hội đồng đã tổng hợp phân tích những ưu điểm, những tồn tại của chương trình đào tạo và đánh giá

các tiêu chí trong từng Tiêu chuẩn bằng cách cho điểm độc lập. Tổng hợp phiếu điểm của các thành viên trong Hội đồng đánh giá CTĐT cử nhân ngành HLTT được trình bày qua qua biểu đồ 1.



Biểu đồ 1. Kết quả đánh giá thực trạng chương trình đào tạo ngành HLTT

Qua biểu đồ 1 cho thấy điểm đánh giá chung cho toàn bộ 12 tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT đạt 4.18/7 điểm (đạt đúng như yêu cầu của tiêu chí), tức là các văn bản minh chứng cho các tiêu chí trên đạt ở mức trung bình và điểm đạt ở mức như dự kiến. Tuy nhiên còn có nhiều tiêu chí, chỉ đạt ở mức trung bình và dưới trung bình, những tiêu chí này cần phải được Khoa HLTT và Trường Đại học TDTT Bắc Ninh cải tiến trong thời gian tới đây để đảm bảo chất lượng đào tạo.

KẾT LUẬN

Qua phân tích lý luận và thực tiễn tác giả đã lựa chọn được bộ tiêu chuẩn AUN đánh giá chất lượng CTĐT cử nhân Ngành HLTT. Kết quả phỏng vấn các chuyên gia, cán bộ quản lý và giáo viên đã lựa chọn được hệ thống các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn AUN, với 12 tiêu chuẩn và 62 tiêu chí đánh giá thực trạng chương trình đào tạo cử nhân ngành HLTT.

Kết quả đánh giá chung cho toàn bộ CTĐT ngành HLTT đạt 4.18 điểm/7 điểm (đạt đúng như yêu cầu của tiêu chí), tức là các văn bản minh chứng cho các tiêu chí trên đạt ở mức trung bình và điểm đạt ở mức như dự kiến. Tuy nhiên còn có nhiều tiêu chí, chỉ đạt ở mức khá, mức trung bình và dưới trung bình, những tiêu chí này cần phải có những giải pháp để cải tiến như: Xây dựng chuẩn đầu ra chưa lấy ý kiến từ các chuyên gia ngoài trường, nhà sử dụng lao động và cựu SV; Kết quả học tập mong đợi (chuẩn đầu ra) trình độ ngoại ngữ và tin học của sinh viên còn hạn chế; Chương trình đào tạo

theo hình thức học niên chế, chưa tích hợp thực hiện đào tạo liên thông dọc và liên thông ngang giữa nhiều ngành học; CTĐT không có các học phần tự chọn do vậy việc điều chỉnh hay cập nhật bị hạn chế; Mối tương quan giữa các học phần thuộc chương trình đào tạo mô tả chưa chặt chẽ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thị Diễm (2008), “Mô hình đánh giá chất lượng, đánh giá chất lượng đầu ra gắn với đào tạo theo nhu cầu xã hội”, *Kỷ yếu hội thảo Chất lượng đào tạo đại học*, Nxb Tài chính, Thành Phố Hồ Chí Minh.
2. Trần Thị Hoài (2009), “Nghiên cứu đánh giá thẩm định chương trình giáo dục đại học”, *Luận án tiến sĩ*, Nxb Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
3. Phạm Quang Long (2012), “Hệ thống tiêu chí đánh giá chương trình nghiệp vụ sư phạm đại học sư phạm”, *Luận án tiến sĩ*, Nxb Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
4. Nguyễn Đức Văn (2000), *Phương pháp thống kê trong TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.
5. AUN Secretariat, Guide to AUN Actual Quality Assessment At Programme Level Version No. 2.0, June 2011.

(Bài nộp ngày 3/10/2016, Phản biện ngày 17/10/2016, duyệt in ngày 25/10/2016)